TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD
TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC SÁCH GIÁO TRÌNH NĂM HỌC 2018 - 2019

STT	Tên sách	Tên tác giả	Năm XB	NXB	Sách hiện có tại TV	Giá bìa
1	Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	2011	Thống kê	**49**	75,000
2	GT Lý thuyết tài chính tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	2011	KTQD	**78**	36,000
3	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	2008	KTQD	**100**	55,000
4	Lý thuyết thống kê	Trần Ngọc Phác	2011	Thống kê	**96**	85,000
5	BT Xác suất và thống kê toán (HDG)	Trần Thái Ninh	2011	Thống kê	**95**	50,000
6	GT Toán cao cấp cho các nhà KT tập 1	Lê Đình Thúy	2010	KTQD	**98**	45,000
7	HDG BT Toán cao cấp cho các nhà KT tập 1	Nguyễn Huy Hoàng	2010	KTQD	**92**	37,000
8	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế tập 2	Lê Đình Thúy	2010	KTQD	**96**	65,000
9	HDG BT Toán cao cấp cho các nhà KT tập 2	Nguyễn Huy Hoàng	2011	KTQD	**96**	40,000
10	Quản trị học	Đoàn thị thu hà	2009	KTQD	**100**	55,000
11	Quản trị nhân lực	Nguyễn Vân Điềm	2010	KTQD	**100**	60,000
12	Quy hoạch tuyến tính	Trần Túc	2011	KTQD	**97**	50,000
13	BT Quy hoạch tuyến tính	Trần Túc	2011	KTQD	**88**	69,000

14	Bài giảng Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong	2011	KTQD	**97**	55,000
15	Pháp Luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn	2011	KTQD	**100**	95,000
16	Giao dịch và đàm phán trong KD	Hoàng Đức Thân	2009	KTQD	**90**	65,000
17	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	2011	Thế giới	**48**	36,000
18	GT Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD & ĐT	2008	CTQG	**247**	24,000
19	GT Luật quốc tế	ĐH luật	2009	CAND	**46**	79,000
20	Kế toán ngân hàng	Nguyễn Thị Loan	2009	Thống kê	**49**	85,000
21	Kế toán doanh nghiệp (LT & BT)	Lê Thị Thanh Hà	2010	Tài chính	**50**	85,000
22	Thuế và Kế toán thuế trong doanh nghiệp	Nghiêm Văn Lợi	2010	Tài chính	**46**	89,000
23	GT Quản trị doanh nghiệp	Ngô Kim Thanh	2008	KTQD	**64**	61,000
24	Marketing dịch vụ	Lưu Văn Nghiêm	2008	KTQD	**50**	55,000
25	Marketing quốc tế	Trần Minh Đạo	2009	KTQD	**49**	35,000
26	Tâm lý nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	Nguyễn Văn Đính	2009	KTQD	**48**	36,000
27	GT Kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý KT & QTKD	Nguyễn Thế Phán	2010	KTQD	**47**	39,000
28	GT lý luận nhà nước và pháp luật	Lê Minh Tâm	2010	CAND	**20**	58,000
29	Kiểm toán căn bản sách (DA)	Trần Đình Tuấn	2010	KHKT	**185**	-
30	Kế toán HCSN (sách DA)	Nguyễn T. Minh Thọ	2010	KHKT	**183**	-

31	English for econmic (T.tâm)	Đại học TN	2010	KHKT	**188**	-
32	GT Nghiệp vụ thuế	Nguyễn Thị Liên	2008	Tài chính	**48**	85,000
33	Câu hỏi và BT môn thuế	Lê Xuân Trường	2007	Tài chính	**50**	50,000
34	GT Thuế	Nguyễn Thị Liên	2007	Tài chính	**29**	45,000
35	GT Quản lý TC công	Phạm Văn Khoan	2007	Tài chính	**50**	60,000
36	GT Quản lý TC công	Dương Đăng Chinh	2007	Tài chính	**49**	85,000
37	GT Quản trị kênh phân phối	Trương Đình Chiến	2008	KTQD	**47**	100,000
38	GT Kinh tế du lịch	Nguyễn Văn Đính	2008	KTQD	**50**	85,000
39	GT Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Đình Kiệm	2008	Tài chính	**49**	130,000
40	Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bộ Tài chính	2008	Tài chính	**48**	280,000
41	GT Tài chính quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	2007	Thống kê	**49**	95,000
42	GT Thanh toán quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	2008	Thống kê	**49**	95,000
43	GT Lý thuyết kiểm toán	Nguyễn Viết Lợi	2007	Tài chính	**50**	72,000
44	Kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước	Phạm Văn Liên	2006	Tài chính	**100**	50,000
45	Phân tích và đầu tư chứng khoán	Nguyễn Đăng Nam	2006	Tài chính	**50**	54,000
46	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Nguyễn Mạnh Quân	2007	KTQD	**73**	100,000
47	GT Tài chính doanh nghiệp	Lưu Thị Hương	2005	Thống kê	**49**	32,000
48	Kinh tế các ngành TM và dịch vụ	Đặng Đình Đào	2003	Thống kê	**17**	32,000
49	GT Tâm lý học quản lý kinh tế	Trần T. Thúy Sửu	2003	KHKT	**97**	54,000

50	GT Quản trị KD	Nguyễn Thành Độ	2004	LĐ - XH	**47**	69,000
51	GTNguyên lý kế toán (LT & BT)	Phan Đức Dũng	2006	Thống kê	**91**	49,500
52	Kế toán quản trị doanh nghiệp	Đoàn Xuân Tiên	2007	Tài chính	**28**	120,000
53	Nghiên cứu Marketing	Nguyễn Viết Lâm	2007	KTQD	**77**	50,000
54	GT Kinh tế đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	2007	KTQD	**81**	54,000
55	Kế toán DN xây lắp	Võ Văn Nhị	2008	GTVT	**50**	118,000
56	Tổ chức sự kiện	Lưu Văn Nghiêm	2007	KTQD	**49**	54,000
57	Quản trị bán hàng	James M. Comer	2005	TP.HCM	**50**	192,000
58	GT Phân tích hoạt động kinh doanh (DA)	Đồng Văn Đạt	2010	KHKT	**167**	-
59	GT Kinh tế môi trường (DA)	Tạ T. Thanh Huyền	2010	KHKT	**174**	-
60	GT Tin học ứng dụng (DA)	Trần Công Nghiệp	2010	KHKT	**173**	-
61	GT Quản trị nhân lực	Nguyễn Vân Điềm	2006	LĐ - XH	**91**	46,000
62	GT Quản lý nhân sự trong DN	Nguyễn Tân Thịnh	2005	KHKT	**45**	35,000
63	GT Kế toán tài chính trong các DN	Đặng Thị Loan	2005	Thống kê	**92**	55,000
64	GT Kế toán hành chính sự nghiệp	Phạm Văn Liên	2004	Tài chính	**47**	60,000
65	GT Quản lý công nghệ	Nguyễn Đăng Dậu	2003	KTQD	**46**	30,000
66	Quản trị học	Đoàn T. Thu Hà	2006	GTVT	**282**	44,000
67	GT Thương mại quốc tế	Nguyễn Văn Tuấn	2008	KTQD	**68**	30,000
68	GT Kinh tế quốc tế	Đỗ Đức Bình	2008	KTQD	**83**	41,000
69	GT Công nghệ phục vụ khách sạn nhà hàng	Nguyễn Văn Đính	2007	KTQD	**49**	25,000

70	Tín dụng thanh toán TM quốc tế	Trần Văn Hòe	2008	KTQD	**20**	25,000
71	GT Nguyên lý kế toán	Đoàn Quang Thiệu	2008	Tài chính	**135**	32,000
72	GT Kế toán quản trị	Đặng Thị Hòa	2006	Thống kê	**49**	50,000
73	GT Quản trị tài chính	Nguyễn T. Phương Liên	2007	Thống kê	**46**	66,000
74	Thiết lập & thẩm định DAĐT	Lê T. Vân Đan	2007	Thống kê	**47**	80,000
75	Lập thẩm định hiệu quả tài chính DAĐT	Đinh Thế Hiển	2008	Thống kê	**48**	250,000
76	GT Tin học ĐC	Hàn Viết Thuận	2004	Thống kê	**192**	35,000
77	GT Pháp luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn	2004	LĐ - XH	**194**	25,000
78	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ GD & ĐT	2009	CTQG	**391**	32,500
79	Kinh tế học vi mô	Cao Thúy Xiêm	2010	KTQD	**47**	45,000
80	Kinh tế vĩ mô 2 (BG & TH)	Nguyễn Văn Công	2009	Lao động	**97**	55,000
81	BT kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Dần	2009	Tài chính	**97**	40,000
82	BT kinh tế vi mô chọn lọc	Phạm Văn Minh	2009	Thống kê	**46**	30,000
83	GT Lịch sử các học thuyết kinh tế	Trần Bình Trọng	2009	KTQD	**48**	36,000
84	GT nguyên lý kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công	2010	Lao động	**43**	55,000
85	GT Pháp luật đại cương (DA)	Đỗ Văn Giai	2010	KHKT	**163**	-
86	GT Tin học ĐC	Hàn Viết Thuận	2007	KTQD	**103**	50,000
87	GT Tài chính doanh nghiệp	Trần Đình Tuấn	2008	ĐHTN	**147**	49,000

88	GT quản lý nhà nước về kinh tế	Đỗ Hoàng Toàn	2005	LĐ - XH	**174**	45,000
89	GT Lập dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	2008	KTQD	**48**	76,000
90	GT Quản trị sản xuất & tác nghiệp	Trương Đoàn Thể	2004	LĐ - XH	**96**	44,000
91	GT Thống kê kinh doanh	Phạm Ngọc Kiểm	2004	Thống kê	**96**	40,000
92	GT Thống kê kinh doanh	Phạm Ngọc Kiểm	2004	Thống kê	**97**	35,000
93	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	2008	KTQD	**45**	55,000
94	Lý thuyết xác suất & Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn	2008	KTQD	**93**	77,000
95	BT Xác suất và thống kê toán	Nguyễn Cao Văn	2010	KTQD	**92**	39,000
96	HDG BT Xác suất và thống kê toán	Trần Thái Ninh	2002	Thống kê	**292**	40,000
97	GT quản lý dự án đầu tư	Từ Quang Phương	2010	KTQD	**49**	67,000
98	Kế toán tài chính (LT - BT)	Phan Đức Dũng	2010	Thống kê	**49**	128,000
99	Giao dịch và đàm phán trong KD	Hoàng Đức Thân	2009	KTQD	**48**	65,000
100	Hệ thống chuẩn mực kế toán VN	Bộ Tài Chính	2010	Tài chính	**50**	190,000
101	Kinh tế vi mô phần 2	Cao Thúy Xiêm	2010	KTQD	**50**	50,000
102	Kinh tế vi mô trắc nghiệm	Vũ Kim Dũng	2009	KTQD	**48**	40,000
103	GT Luật thương mại 1	ĐH Luật	2010	CAND	**20**	78,000

104	Từ điển kinh tế Anh - Việt	Nguyễn Đức Hoạt	2007	KTQD	**30**	66,000
105	Thị trường chứng khoán	Lê Hoàng Nga	2011	Tài chính	**99**	118,000
106	Kế toán tài chính (BT & LG)	Đoàn Quang Thiệu	2008	ĐHTN	**148**	32,000
107	GT Xã hội học ĐC (Sách DA)	Đặng Xuân Quý	2010	KHKT	**178**	-
108	Xã hội học	Nguyễn Thế Phán	2002	LĐ - XH	**293**	50,000
109	Kế toán doanh nghiệp (LT & BT)	Nguyễn Văn Công	2011	KTQD	**147**	70,000
110	Logistics những vấn đề cơ bản	Đoàn Thị Hồng Vân	2010	KTQD	**100**	90,000
111	GT Lịch sử ĐCS Việt Nam	Lê Mậu Hãn	2005	CTQG	**94**	18,000
112	GT Lịch sử ĐCS Việt Nam	Lê Mậu Hãn	2008	CTQG	**95**	19,500
113	Chiến lược KD và PTDN	Nguyễn Thành Độ	2002	LĐ - XH	**95**	37,000
114	GT Kinh tế quốc tế	Đỗ Đức Bình	2004	LĐ - XH	**32**	52,000
115	GT Luật đầu tư	Bùi Ngọc Cường	2011	CAND	**100**	49,000
116	GT Pháp luật đại cương	Phạm Duy Nghĩa	2011	CAND	**97**	58,000
117	GT Quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh	2009	KTQD	**150**	80,000
118	GT Marketing du lịch	Nguyễn Văn Mạnh	2008	KTQD	**100**	53,000
119	GT kế toán máy	Trần T. Song Minh	2006	LĐ - XH	**97**	27,000
120	Quản trị marketing	Philip Kotler	2003	Thống kê	**40**	190,000
121	GT Kiểm toán căn bản	Trần Đình Tuấn	2008	LĐ - XH	**148**	-

122	Thẩm định tài chính dự án	Lưu Thị Hương	2004	Tài chính	**44**	18,000
123	GT Toán cao cấp cho các nhà KT phần 1	Lê Đình Thúy	2005	Thống kê	**191**	34,000
124	GT Toán cao cấp cho các nhà KT phần 1	Lê Đình Thúy	2005	Thống kê	**91**	32,000
125	GT Lý thuyết kiểm toán	Nguyễn Quang Quynh	2005	Tài chính	**95**	50,000
126	Quản trị tài chính doanh nghiệp (Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và bài tập, đáp án)	Lưu Thị Hương	2006	Tài chính	**93**	60,000
127	GT Luật sở hữu trí tuệ	Lê Đình Nghị	2010	Giáo dục	**148**	27,000
128	Hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp	Nguyễn Thị Đông	2004	Thống kê	**98**	42,000
129	GT Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam	Phùng Trung Tập	2009	CAND	**129**	27,000
130	GT Phân tích hoạt động kinh tế DN	Lê T. Phương Hiệp	2006	KHKT	**50**	18,000
131	GT Quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Văn Mạnh	2008	KTQD	**148**	115,000
132	GT Hành vi người tiêu dùng	Vũ Huy Thông	2010	KTQD	**100**	59,000
133	Phương cách làm bài lịch sử các học thuyết kinh tế .lý thuyết- bài tập tự luận- bài tập trắc nghiệm	An Như Hải	2007	KTQD	**100**	19,000
134	GT Nghiệp vụ ngoại thương lý thuyết và thực hành tập 1	Nguyễn Thị Hường	2007	KTQD	**49**	31,000

135	GT Quản trị văn phòng	Nguyễn Thành Độ	2005	LĐ - XH	**97**	37,000
136	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	2009	CTQG	**291**	20,500
137	GT đường lối CM ĐCS Việt Nam	Đinh Xuân Lý	2009	CTQG	**387**	18,500
138	Nguyên lý kế toán (DA)	Đoàn Quang Thiệu	2010	KHKT	**182**	-
139	Nguyên lý kế toán (TT.HTQT)	Trần Quí Liên	2008	Tài chính	**23**	50,000
140	Nguyên lý kế toán (LT & BT)	Phan Đức Dũng	2006	Thống kê	**174**	49,500
141	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế phần 2	Lê Đình Thúy	2004	Thống kê	**283**	37,000
142	HDG BT toán cao cấp cho các nhà kinh tế P1	Nguyễn Huy Hoàng	2006	KTQD	**285**	30,000
143	HDG BT toán cao cấp cho các nhà kinh tế P2	Nguyễn Huy Hoàng	2006	Thống kê	**283**	25,000
144	Thương mại điện tử	Trần Văn Hòe	2006	Thống kê	**92**	37,000
145	Kế toán quản trị	Vương Đình Huệ	2002	Tài chính	**42**	71,500
146	GT Quản lý dự án đầu tư	Từ Quang Phương	2006	LĐ - XH	**47**	60,000
147	Kế toán quốc tế	Nguyễn Minh Phương	2002	Thống kê	**38**	43,000
148	GT Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thức Minh	2007	Tài chính	**30**	29,834
149	GT Tổng quan du lịch	Vũ Đức Minh	2008	Thống kê	**48**	48,000

150	Câu hỏi và bài tập nghiệp vụ ngân hàng TM	Nguyễn Thị Mùi	2003	Tài chính	**97**	16,000
151	Hệ thống câu hỏi và bài tập môn kế toán tài chính nhà nước	Phạm Văn Liên	2001	Tài chính	**100**	12,000
152	GT Phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Thị Gái	2004	Thống kê	**95**	50,000
153	GT Kinh tế phát triển	Vũ T. Ngọc Phùng	2005	LĐ - XH	**190**	55,000
154	GT Nguyên lý chung định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp	Nguyễn Minh Hoàng	2008	LĐ - XH	**47**	45,000
155	Kế toán doanh nghiệp (LT & BT)	Nguyễn Văn Công	2005	Tài chính	**94**	35,000
156	GT Thống kê công nghiệp	Nguyễn Công Nhự	2004	Thống kê	**64**	32,000
157	GT Lịch sử kinh tế	Nguyễn Trí Dĩnh	2006	KTQD	**98**	41,000
158	Ngân hàng thương mại	Phan Thị Thu Hà	2007	KTQD	**98**	71,000
159	Kế toán ngân hàng thương mại	Nguyễn Văn Lộc	2007	Tài chính	**96**	70,000
160	GT Quản trị chức năng thương mại của doanh nghiệp công nghiệp	Nguyễn Kế Tuấn	2004	Thống kê	**50**	18,000
161	GT Pháp luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn	2006	KTQD	**141**	70,000
162	BG & TH kinh tế vĩ mô 2	Nguyễn Văn Công	2006	Lao động	**76**	50,000
163	GT Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Nguyễn Phương	2005	CTQG	**191**	17,500
164	GT Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Chu Văn Cấp	2007	CTQG	**192**	22,500

165	GT Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui	2005	CTQG	**195**	26,000
166	GT Phân tích số liệu thống kê	Đỗ Anh Tài	2008	Thống kê	**150**	35,000
167	BT kinh tế vi mô	Phạm Văn Minh	2005	LĐ - XH	**190**	22,000
168	GT Lý thuyết thống kê	Trần Ngọc Phác	2006	KTQD	**279**	52,000
169	BT kinh tế lượng với sự trợ giúp của phần mềm Eviews	Nguyễn Quang Dong	2006	KHKT	**178**	23,000
170	Kế toán ngân hàng 202 sơ đồ	Trương Thị Hồng	2007	Tài chính	**48**	57,500
171	HT câu hỏi & BT môn kế toán quản trị	Nguyễn Minh Phương	2006	KTQD	**96**	14,000
172	Hướng dẫn kế toán doanh nghiệp xây lắp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam	Nguyễn Văn Bảo	2005	Tài chính	**15**	245,000
173	GT Pháp Luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn	2005	Thống kê	**28**	52,000
174	Quản lý chất lượng trong các tổ chức	Nguyễn Đình Phan	2005	LĐ - XH	**45**	50,000
175	GT Quản trị chất lượng phục vụ du lịch	Nguyễn Văn Mạnh	2009	KTQD	**45**	54,130
176	GT Tài chính tiền tệ (DA)	Nguyễn Thị Oanh	2010	KHKT	**175**	-
177	GT Kinh tế lượng	Vũ Thiếu	2003	KHKT	**110**	45,000
178	BG kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong	2006	Thống kê	**19**	-
179	GT Kinh tế & quản lý môi trường	Nguyễn Thế Chinh	2003	Thống kê	**191**	35,000
180	New Headway - Tiếng Anh giao tiếp T1	Liz & John Soars	2003	KTQD	**355**	20,000
181	GT lý thuyết tài chính tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	2002	Thống kê	**96**	32,000
182	TBG nguyên lý kinh tế vi mô	Vũ Kim Dũng	2005	Lao động	**190**	35,000

183	HDG BT kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Ngọc	2007	KTQD	**90**	55,000
184	BG kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Ngọc	2007	KTQD	**38**	55,000
185	Kinh tế vi mô 2	Phạm Văn Minh	2007	LĐ - XH	**78**	40,000
186	GT nguyên lý kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công	2007	Lao động	**197**	35,000
187	GT kinh tế học vi mô	Trần T. Hồng Việt	2006	KTQD	**7**	58,000
188	BT kinh tế vĩ mô 1	Nguyễn Văn Công	2007	Lao động	**140**	25,000
189	GT mô hình toán kinh tế	Nguyễn Quang Dong	2006	Thống kê	**91**	38,000
190	Thống kê ngân hàng	Dương Thanh Dung	2002	Thống kê	**100**	26,000
191	GT Quy hoạch tuyến tính	Trần Túc	2004	KTQD	**289**	22,000
192	Phát triển kinh tế cá thể ở Việt Nam	Tô Đức hạnh	2006	KTQD	**30**	-
193	Ngân hàng câu hỏi olym…	Bộ GD & ĐT	2006	Hà Nội	**5**	-
194	Kế Toán mỹ	Phan Đức Dũng	2007	Thống kê	**20**	180,000
195	Quản trị học	Nguyễn Hải Sản	2007	Thống kê	**3**	98,000
196	Chế độ kế toán HCSN và các văn bản mới về chế độ tự chủ mua sắm tài sản công lập dự toán thu chi ngân sách kiểm toán thanh tra TC…..	Bộ Tài Chính	2008	LĐ - XH	**9**	298,000
197	Quản trị hoc	Lê Thế Giới	2007	Tài chính	**1**	59,000
198	Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (2008)	Bộ Tài Chính	2008	LĐ - XH	**9**	220,000

199	Marketing quốc tế cạnh tranh TTTC	Dương Hữu Hạnh	2007	LĐ - XH	**1**	220,000
200	Kinh tế học	David begg	2008	Thống kê	**3**	175,000
201	QTTC công ty(LT&Ư D)	Đinh Thế Hiển	2007	Thống kê	**2**	140,000
202	Quản Trị doanh nghiệp	Ngô Kim Thanh	2008	KTQD	**8**	61,000
203	Cơ sở phát triển nông thôn theo vùng ở Việt Nam	Trần Chí Thiện	2007	NN	**1**	-
204	Luật đầu tư và các văn bản HDTH VNCQLKT TW	Viện NC Quản lý KTTU	2007	TC	**18**	70,000
205	Phát triển du lịch sinh thái bền vững ở tây bắc Việt Nam trên phương diện đánh giá điều kiện tự nhiên	Đỗ Trọng Dũng	2011	ĐHTN	**50**	60,000
206	Quản trị rủi ro XN trong nền kinh tế toàn cầu	Dương Hữu Hạnh	2009	TC	**2**	129,000
207	Các nguyên tắc quản trị hiện đại	Dương Hữu Hạnh	2009	GTVT	**1**	154,000
208	Số liệu TKVN .TK20	Tổng cục thống kê	2004	Thống kê	**6**	416,000
209	Tài liệu "Quản trị DN thích ứng với kinh tế thị trường trong giai đoạn phát triển mới ở VN	Trần Đình Đằng	2007	NN	**148**	160,000
210	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với triết lý phương đông	Dương Quốc Thắng	2010	ĐHTN	**104**	45,000
211	Kinh Tế Du Lịch	Nguyễn Văn Đính	2009	KTQD	**99**	45,000

212	GT Quản Trị Doanh Nghiệp	Ngô Kim Thanh	2012	KTQD	**50**	99,000
213	Quản Trị Cung Ứng	Đoàn Thị Hồng Vân	2011	TP.HCM	**65**	95,000
214	Hệ thống mục lục NSNN, chế độ KT HCSN, hướng dẫn XD dự toán NSNN2013 và quyết toán kinh phí năm 2012	Bộ Tài Chính	2012	TC	**50**	320,000
215	Phương pháp định khoản & thiết lập SĐ hạch toán các nghiệp vụ kế toán đơn vị HCSN	Thu Huyền	2012	LĐ	**30**	325,000
216	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Thái Trí Dũng	2012	LĐXH	**50**	38,000
217	Kinh Tế Bảo Hiểm	Phạm Thị Định	2011	KTQD	**99**	58,000
218	Thị Trường Vốn	Phạm Văn Hùng	2010	KTQD	**99**	40,000
219	Luật Kinh Tế	Phạm Duy Nghĩa	2011	CAND	**48**	88,000
220	Thanh Toán Quốc Tế Trong Du Lịch	Trần Thị Minh Hòa	2012	KTQD	**83**	43,000
221	Nghiệp Vụ Ngân Hàng Thương Mại	Lê Văn Tề	2009	Thống kê	**50**	62,000
222	Nghiệp vụ kế toán ngân sách – tài chính & Sơ đồ TK hạch toán, kế toán xã phường và thị trấn	Tăng Bình	2012	TC	**50**	325,000
223	Hệ thống mục lục NSNN, Chế độ KTHCSN quy định mới nhất về quản lý thu chi bằng tiền mặt qua hệ thống kho bạc nhà nước (Quản lý sử dụng phương tiện đi lại chi tiêu hội nghị)	Bộ Tài Chính	2012	TC	**22**	320,000
224	GT phân tích số liệu thống kê	Đỗ Anh Tài	2009	ĐHTN	**190**	-

225	GT Kinh tế nông nghiệp	Đỗ Quang Quý	2010	KHKT	**186**	-
226	Kinh Tế Nông Nghiệp	Đỗ Quang Quý	2010	ĐHTN	**100**	36,000
227	Tăng cường mối quan hệ hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ chè ở vùng chè trọng điểm tỉnh Thái Nguyên	Trần Quang Huy	2012	LĐ	**50**	40,000
228	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới chuyển dịch cơ cấu KT của tỉnh TN	Nguyễn Tiến Long	2012	LĐ	**50**	45,000
229	Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán HCSN - BT và lập báo cáo tài chính	Hà Thị Ngọc Hà	2011	LĐXH	**10**	175,000
230	HD TH chế độ KTHCSN qua sổ tài khoản và các VB mới về chế độ tự chủ tự chi về mua sắm đối với CQNN và đơn vị HCSN	Trần Thu Hà	2011	LĐXH	**10**	298,000
231	Kinh doanh và môi trường	Nguyễn Thế Chinh	2006	KTQD	**49**	27,000
232	Kinh Tế Nông Nghiệp	Vũ Đình Thắng	2006	KTQD	**47**	42,000
233	thống kê nông nghiệp	Phạm Ngọc Kiểm	2002	LĐXH	**96**	28,000
234	Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	2012	KTQD	**100**	85,000
235	Kinh tế học công cộng	Vũ Cương	2012	KTQD	**49**	59,000
236	BT Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	2011	KTQD	**50**	44,000
237	Quản trị chất lượng	Nguyễn Đình Phan	2012	KTQD	**60**	99,000
238	Quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Minh Kiều	2012	Tài chính	**100**	94,500
239	Thống kê kinh tế	Bùi Đức Triệu	2012	KTQD	**30**	69,000

240	Kế toán quản trị doanh nghiệp	Nguyễn Năng Phúc	2008	Tài chính	**100**	96,000
241	Quản trị doanh nghiệp	Ngô Kim Thanh	2013	KTQD	**129**	116,000
242	Kinh tế nguồn nhân lực	Trần Xuân Cầu	2012	KTQD	**100**	86,000
243	GT Hệ thống thông tin kế toán T1	Thái Phúc Huy	2012	Phương Đông	**19**	65,000
244	GT Hệ thống thông tin kế toán T2	Nguyễn Phước Bảo Ấn	2012	Phương Đông	**20**	75,000
245	GT Hệ thống thông tin kế toán T3	Nguyễn Phước Bảo Ấn	2012	Phương Đông	**20**	85,000
246	Kinh doanh ngoại hối	Nguyễn Văn Tiến	2012	Thống kê	**100**	86,000
247	Hành vi tổ chức	Bùi Anh Tuấn	2013	KTQD	**50**	59,000
248	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	Đoàn Thị Hồng Vân	2010	LĐXH	**40**	95,000
249	Kiểm toán tài chính	Nguyễn Quang Quynh	2012	KTQD	**49**	114,000
250	GT Quản trị giá trong doanh nghiệp	Vũ Minh Đức	2008	KTQD	**100**	28,000
251	Hệ thống thông tin quản lý	Trần Thị Song Minh	2012	KTQD	**50**	66,000
252	GT Kỹ năng quản trị	Ngô Kim Thanh	2012	KTQD	**50**	115,000
253	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	Nguyễn Phước Bảo Ấn	2012	Phương Đông	**99**	90,000
254	Quản trị dự án đầu tư	Nguyễn Xuân Thuỷ	2010	LĐXH	**50**	38,000
255	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	Nguyễn Đăng Dờn	2012	Phương Đông	**98**	85,000
256	Quản trị chuỗi cung ứng những trải nghiệm tuyệt vời	David Blanchard	2013	LĐXH	**50**	115,000
257	BT và bài giải kế toán quản trị	Phan Đức Dũng	2013	LĐXH	**49**	98,000

258	Kế toán quản trị	Nguyễn Tấn Bình	2005	Thống kê	**50**	95,000
259	Nguyên lý thống kê	Trần Chí Thiện	2013	Thống kê	**136**	150,000
260	Thống kê doanh nghiệp	Trần Chí Thiện	2013	KHXH	**159**	86,000
261	Nghiệp vụ thuế	Nguyễn Thị Liên	2008	Tài chính	**100**	65,000
262	Kinh Tế Bảo Hiểm	Phạm Thị Định	2011	KTQD	**100**	58,000
263	Thị trường vốn	Phạm Văn Hùng	2010	KTQD	**100**	40,000
264	LT Tài chính tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	2012	KTQD	**196**	59,000
265	GT Tài chính quốc tế	Hoàng Thị Thu	2013	KHXH	**150**	98,000
266	GT Hành vi người tiêu dùng	Nguyễn Thị Gấm	2010	ĐHTN	**149**	45,000
267	GT Marketing	Đỗ Thị Bắc	2012	ĐHTN	**150**	98,000
268	GT Hoạt động Logistics & thương mại doanh nghiệp	Đặng Đình Đào	2013	LĐXH	**74**	89,000
269	GT Kinh tế quốc tế	Trần Nhuận Kiên	2013	KHXH	**149**	85,000
270	GT Kiểm toán căn bản	Trần Đình Tuấn	2014	ĐHTN	**149**	80,000
271	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Thái Trí Dũng	2012	LĐXH	**96**	38000
272	GT Kinh tế học T1	Vũ Kim Dung	2013	KTQD	**100**	74,000
273	GT Kinh tế học T2	Vũ Kim Dung	2013	KTQD	**100**	69,000
274	Quản trị ngân hàng thương mại hiện đại	Nguyễn Đăng Dờn	2012	Phương Đông	**99**	75,000

275	GT Kiểm soát quản lý	Nguyễn T. Phương Hoa	2011	KTQD	**10**	35,000
276	Kỹ năng thuyết trình	Dương Thị Liễu	2013	KTQD	**50**	60,000
277	Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty	Nguyễn Mạnh Quân	2012	KTQD	**50**	87,000
278	Phân tích tài chính DN	Ngô Kim Phượng	2013	LĐXH	**50**	80,000
279	Lập dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	2013	KTQD	**49**	98,000
280	GT Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền	2012	KTQD	**50**	49,000
281	Marketing ngân hàng	Trịnh Quốc Trung	2013	LĐXH	**99**	138,000
282	GT Kinh tế thương mại	Đặng Đình Đào	2012	KTQD	**100**	70,000
283	GT Phát triển ứng dụng trong quản lý	Trịnh Hoài Sơn	2011	KTQD	**50**	83,000
284	Bài tập - bài giải phân tích hoạt động KD	Phạm Văn Dược	2012	Hồng Đức	**95**	72,000
285	Thanh Toán Quốc Tế & tài trợ ngoại thương	Nguyễn Văn Tiến	2013	Thống kê	**147**	86,000
286	Tín dụng ngân hàng	Phan Thị Cúc	2010	Thống kê	**99**	61,000
287	Quản trị marketing	Trương Đình Chiến	2012	KTQD	**50**	99,000
288	Kế hoạch hóa phát triển	Ngô Thắng Lợi	2009	KTQD	**30**	66,000
289	Giao tiếp trong kinh doanh	Hoàng Văn Hoa	2012	KTQD	**50**	95,000
290	Quản lý chất lượng dự án	TTTT & Tư vấn DN	2009	LĐXH	**50**	125,000
291	Câu hỏi và BT môn thuế	Lê Xuân Trường	2012	TC	**50**	30,000
292	Kinh tế học vi mô P2	Cao Thúy Xiêm	2013	KTQD	**100**	69,000

293	GT Kinh tế phát triển	Phạm Ngọc Linh	2012	KTQD	**100**	59,000
294	Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	2009	KTQD	**80**	99,000
295	Kinh tế hải quan P1	Hoàng Đức Thân	2011	KTQD	**100**	49,000
296	Kinh tế hải quan P2	Hoàng Đức Thân	2013	KTQD	**100**	35,000
297	Thị trường chứng khoán	Lê Hoàng Nga	2013	Tài chính	**50**	108,000
298	Quản trị rủi ro tài chính (LT - BT- BG)	Nguyễn Minh Kiều	2013	Tài chính	**100**	94,500
299	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Trần Bình Trọng	2012	KTQD	**98**	65,000
300	GT Lý thuyết thống kê	Trần Thị Kim Thu	2012	KTQD	**7**	91,000
301	GT Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	2011	KTQD	**99**	99,000
302	Tổ chức sự kiện	Lưu Văn Nghiêm	2009	KTQD	**30**	69,000
303	Bài tập - bài giải phân tích & ĐT chứng khoán- phân tích chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư	Bùi Kim Yến	2010	LĐXH	**100**	78,000
304	GT Luật đầu tư	Bùi Ngọc Cường	2011	CAND	**48**	49,000
305	GT Lý luận nhà nước & PL	Lê Minh Tâm	2013	CAND	**98**	71,000
306	GT Luật thương mại 1	Đại học Luật Hà Nội	2014	CAND	**50**	65,000
307	GT Luật thương mại 2	Đại học Luật Hà Nội	2013	CTQG	**100**	66,000
308	GT Pháp luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn	2013	CAND	**148**	94,000
309	GT tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD & ĐT	2012	KTQD	**140**	24,000
310	GT đường lối CM ĐCS Việt Nam	Bộ GD & ĐT	2013	CTQG	**95**	22,000
311	GT Luật ngân sách nhà nước	Nguyễn Văn Tuyến	2014	CAND	**100**	35,000
312	GT Lịch sử nhà nước & PL Thế giới	Phạm Điền	2014	CAND	**49**	57,000
313	GT Lịch sử NN & PL Việt Nam	Lê Minh Tâm	2014	CAND	**50**	74,000
314	Logic hình thức đại cương	Phạm Công Nhất	2013	ĐTNG Hà Nội	**100**	5,000

315	GT Luật dân sự VN t1	Đinh Văn Thanh	2014	CAND	**70**	46,000
316	GT Luật dân sự VN t2	Đinh Văn Thanh	2013	CAND	**70**	43,000
317	Luật hình sự VN T1	Nguyễn Ngọc Hòa	2014	CAND	**75**	62,000
318	Luật hình sự VN T2	Nguyễn Ngọc Hòa	2013	CAND	**75**	68,000
319	Luật Thuế	Phạm T. Giang Thu	2013	CAND	**100**	50,000
320	Xây dựng văn bản pháp luật	Nguyễn Thế Quyền	2014	CAND	**100**	40,000
321	Luật thương mại Quốc tế	Trần Văn Nam	2013	KTQD	**100**	73,000
322	Tổ chức công tác kế toán	Trần Đình Tuấn	2014	ĐHTN	**263**	97,500
323	GT Kế toán quốc tế	Đỗ T. Thúy Phương	2014	ĐHTN	**274**	90,000
324	Kế toán quản trị	Đỗ T. Thúy Phương	2015	ĐHTN	**285**	130,000
325	Câù và nhu cầu chăm sóc sức khỏe	Phạm Hồng Hải	2015	ĐHTN	**180**	127,500
326	Thị trường cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe	Phạm Hồng Hải	2015	ĐHTN	**181**	165,500
327	GT Đại cương kinh tế y tế	Phạm Hồng Hải	2015	ĐHTN	**180**	125,000
328	Đánh giá & dự báo y tế	Phạm Hồng Hải	2015	ĐHTN	**180**	123,500
329	Quản trị chiến lược	Hoàng Văn Hải	2015	Đại học quốc gia	**50**	129,000
330	Tín dụng ngân hàng	Lê Văn Tề	2013	Lao động	**100**	70,000
331	Kinh tế công cộng	Vũ Cương	2013	KTQD	**100**	59,000
332	GT Luật môi trường	Lê Hồng Hạnh	2015	CAND	**80**	70,000
333	GT Luật so sánh	Nguyễn Quốc Hoàn	2015	CAND	**100**	70,000
334	GT Luật cạnh tranh	Nguyễn T. Vân Anh	2015	CAND	**100**	55,000
335	GT Luật lao động Việt Nam	Đại học Luật Hà Nội	2014	CAND	**100**	84,000
336	GT Luật ngân hàng Việt Nam	Đại học Luật Hà Nội	2015	CAND	**50**	54,000
337	GT Luật đất đai	Đại học Luật Hà Nội	2013	CAND	**49**	64,000
338	GT Tư pháp quốc tế	Bùi Xuân Nhự	2013	CAND	**100**	40,000
339	GT Quan hệ kinh tế quốc tế	Nguyễn Văn Luận	2011	CAND	**100**	34,000
340	GT Luật dân sự Việt Nam tập 1	Đinh Văn Thanh	2015	CAND	**30**	46,000
341	GT Luật tố tụng dân sự Việt Nam	Nguyễn Công Bình	2015	CAND	**100**	69,000
342	GT Luật tố tụng hình sự Việt Nam	Hoàng T. M. Sơn	2015	CAND	**100**	84,000

343	Inconterms 2010	Nguyễn Văn Hồng	2010	Thông tin & TT	**43**	50,000
344	Kỹ thuật kinh doanh xuất nhập khẩu	Võ Thanh Thu	2011	Tổng hợp TP HCM	**50**	126,000
345	Luật hành chính Việt Nam	Trần Minh Hương	2015	CAND	**80**	85,000
346	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong KD - thiết kế và thực hiện	Nguyễn Đình Thọ	2013	Lao động xã hội	**20**	148,000
347	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Mark Saunders	2010	Tài chính	**30**	285,000
348	Phương pháp nghiên cứu kinh tê kiên thức cơ bản	Trần Tiến Khai	2012	Lao đông xã hội	**100**	98,000
349	GT giao dịch thương mại quốc tế	Phạm Duy Liên	2012	Thống kê	**28**	65,000
350	Thực hành nghiên cứu trong kinh tê và QTKD	Nguyễn Văn Thắng	2014	ĐH KTQD	**30**	120,000
351	GT ngân hàng thương mại	Phan T. Thu Hà	2013	KTQD	**50**	68,000
352	GT Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng	Nguyễn Minh Kiều	2013	Tài chính	**100**	88,000
353	Tài trợ tín dụng ngân hàng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Trương Quang Thông	2010	Tài chính	**70**	35,000
354	Hệ thống bài tập và 315 câu hỏi trắc nghiệm NV NHTM	Trần Thế Sao	2015	KT.TP HCM	**70**	56,000
355	Lý thuyết tài chính công	Sử Đình Thành	2009	ĐH QG HCM	**100**	70,000
356	GT Đầu tư tài chính	Võ T. Thúy Anh	2014	Tài chính	**50**	106,000
357	GT Tiền tệ ngân hàng	Nguyễn Văn Tiến	2012	Thống kê	**50**	86,000
358	Phân tích và đầu tư chứng khoán	Bùi Kim Yến	2013	Tài chính	**50**	124,000
359	Kinh doanh ngoại hối phân tích kỹ thuật	Đặng Hào Quang	2014	Thống kê	**50**	68,000
360	Đầu tư quốc tế	Lê Quang Huy	2013	TP.HCM	**50**	90,000
361	Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1	Bộ Tài Chính	2015	Tài chính	**20**	290,000
362	Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2	Bộ Tài Chính	2015	Tài chính	**20**	290,000
363	26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam	Bộ Tài Chính	2015	Tài chính	**50**	128,000
364	GT Kinh tế đầu tư	Từ Quang Phương	2010	KTQD	**99**	50,000
365	Bài giảng nguyên lý kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Ngọc	2011	KTQD	**50**	118,000
366	Kinh tế học vi mô P2	Cao Thúy Xiêm	2014	KTQD	**48**	62,000

367	Kiểm toán căn bản lý thuyết câu hỏi và BT -Trắc nghiệm	Trần Mạnh Dũng	2013	KTQD	**50**	65,000
368	Kiểm toán nội bộ	Nguyễn Phúc Giang	2015	Tài chính	**50**	108,000
369	Quản trị giá trong doanh nghiệp	Vũ Minh Đức	2008	KTQD	**50**	28,000
370	GT Quản lý dự án	Từ Quang Phương	2014	KTQD	**99**	70,000
371	Quản trị thương hiệu	Phạm Thị Lan Hương	2014	KTQD	**150**	112,000
372	GT Thẩm định dự án đầu tư khu vực công	Nguyễn Hồng Thắng	2010	Thống kê	**50**	78,000
373	GT Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc	2011	KTQD	**49**	75,000
374	GT Thống kê đầu tư và xây dựng	Phan Công Nghĩa	2012	KTQD	**100**	138,000
375	BT Quản trị chất lượng	Đỗ Thị Đông	2013	KTQD	**100**	37,000
376	BT Quản trị tác nghiệp	Nguyễn Đình Trung	2011	KTQD	**50**	55,000
377	Dự báo và phân tích dữ liệu trong KTTC	Nguyễn Trọng Hoài	2014	Tài chính	**100**	98,000
378	Luật dân sự Việt Nam tập 2	Đinh Văn Thanh	2015	CAND	**30**	60,000
379	GT Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc nhà nước	Phạm Văn Liên	2012	Tài chính	**10**	45,000
380	GT Trị giá hải quan	Nguyễn T. Thương Huyền	2015	Tài chính	**30**	30,000
381	GT thị trường ngoại hối và các nghiệp vụ phái sinh (LT và BT thực hành- thực tiễn ở VN)	Nguyễn Văn Tiến	2010	Thông kê	**27**	86,000
382	GT Tài chính quốc tế	Hoàng Thị Thu	2013	Khoa học XH	**146**	98,000
383	GT Kinh tế phát triển nông thôn	Vũ Đình Thắng	2002	Thống kê	**48**	30,000
384	GT Khuyến nông	Nguyễn Văn Long	2006	Nông Nghiệp	**28**	56,000
385	Chính sách nông nghiệp	Phạm Vân Đình	2005	Nông Nghiệp	**19**	30,000
386	GT Công nghệ trồng trọt	Đào Duy Cầu	2004	LĐXH	**68**	24,000
387	Công nghệ chăn nuôi	Đào Duy Cầu	2004	LĐXH	**70**	31,000
388	Tổ chức sản xuất cơ khí	Trần Văn Địch	2005	KHKT	**20**	42,000
389	Quản trị hợp tác xã Nông nghiệp	Phạm Vân Đình	2005	Nông Nghiệp	**88**	67,223
390	Bài tập và bài giải nguyên lý kế toán	Phan Đức Dũng	2012		**1**	96,000
391	Quản trị dự án - thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	Vũ Công Tuấn	2010		**1**	86,000

392	Marketing căn bản	Philip Kotler	2007	LĐXH	**3**	115,000
393	Quản trị học căn bản	James H.Donelly	2008		**1**	115,000
394	Bài giảng nguyên lý kinh tế vi mô		2007	KTQD	**2**	75,000
395	GT Quản trị rủi ro trong các cơ sở sản xuất KDNN	Bùi Thị Gia	2005	Nông Nghiệp	**28**	-
396	GT Marketing nông nghiệp	Nguyễn Nguyên cự	2005	Nông Nghiệp	**34**	52,000
397	Khoa học tổ chức và quản lý trong giáo dục	Trần Kiểm	2010	ĐHSP	**2**	265,000
398	Bảo vệ môi trường du lịch	Lê Bá Huy	2015	ĐHCN TPHCM	**2**	-
399	GT Quy hoạch phát triển nông thôn	Vũ Thị Bình		Nông Nghiệp	**16**	70,000
400	GT tư tưởng Hồ Chí Minh	Mạch Quang Thắng	2005	CTQG	**195**	13,500
401	GT Kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản và ngân sách	Thịnh Văn Vinh	2012	Tài chính	**20**	55,000
402	Quản lý chất thải rắn – Tập 1 – Chất thải rắn đô thị	Trần Hiếu Nhuệ	2012	Xây dựng	**10**	67,000
403	GT Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn	Phạm Văn Khôi	2016	KTQD	**10**	40,000
404	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Tỉnh Bắc Kạn	Trần Đình Tuấn	2015	ĐHTN	**10**	98,000
405	Vật lý hiện đại tập 1	Cao Chi	2016	Hà Nội	**5**	-
406	Vật lý hiện đại tập 2	Cao Chi	2016	Hà Nội	**5**	-
407	GT Kế toán ngân sách	Trần Đình Tuấn	2016	ĐHTN	**175**	163,000
408	GT Quản trị tài chính doanh nghiệp	Trần Quang Huy	2016	KHXH	**269**	117,000
409	GT Kiểm toán nội bộ	Đỗ Thị Thúy Phương	2016	ĐHTN	**175**	84,500
410	GT Giáo dục thể chất	Nguyễn Tiến Lâm	2016	ĐHTN	**175**	64,500
411	GT Thị trường chứng khoán	Hoàng Thị Thu	2016	ĐHTN	**175**	122,500
412	GT Kiểm toán báo cáo tài chính	Đỗ Thị Thúy Phương	2016	ĐHTN	**174**	119,000
413	GT Tài chính tiền tệ	Vũ Thị Hậu	2016	ĐHTN	**175**	189,000
414	GT Toán cao cấp	Nguyễn Văn Minh	2016	ĐHTN	**175**	81,000

415	GT Marketing nông nghiệp	Nguyễn Nguyên Cự	2005	Nông Nghiệp	**37**	52,000
416	GT Kế toán tài chính 3	Nguyễn Thị Lời	2016	ĐHTN	**175**	94,600
417	GT Hành vi người tiêu dùng	Nguyễn Thị Gấm	2010	ĐHTN	**60**	45,000
418	Kế toán công ty chứng khoán	Ngô Thế Chi	2007	Tài chính	**10**	60,000
419	HD thực hiện CĐ kế toán DN nhỏ và vừa (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)	Bộ Tài Chính	2016	Tài chính	**10**	320,000
420	Chế độ kế toán DN - Quyển 1 - HT tài khoản kế toán (Thông tư 200/2014/TT-BTC)	Bộ Tài Chính	2015	KT TP.HCM	**10**	148,000
421	Chế độ kế toán DN - Quyển 2 - BC tài chính DN độc lập, báo cáo tài chính hợp nhất, chứng từ và sổ kế toán (Thông tư 200/2014/TT-BTC)	Bộ Tài Chính	2015	KT TP.HCM	**10**	198,000
422	Thuế và kế toán thuế Việt Nam- Lý thuyết và thực hành	Phạm Đức Cường	2016	Tài chính	**20**	168,000
423	Kế toán tài chính tập 1	Trần Xuân Nam	2015	Tài chính	**10**	39,000
424	Kế toán tài chính tập 2	Trần Xuân Nam	2016	Tài chính	**10**	36,000
425	Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lực	2013	KTQD	**20**	88,000
426	Thống kê kinh tế	Bùi Đức Triệu	2012	KTQD	**15**	69,000
427	Quản lý môi trường đô thị và khu Công nghiệp	Phạm Ngọc Đăng	2016	Xây dựng	**10**	99,000
428	GT Tổ chức thương mại thế giới (WTO - OMC)	Nguyễn Anh Tuấn	2008	CTQG	**20**	30,000
429	GT Thuế tiêu dùng	Vương Thị Thu Hiền	2014	Tài chính	**20**	30,000
430	GT Thuế tài sản và thu khác	Nguyễn Đình Chiến	2012	Tài chính	**10**	35,000
431	GT Phân tích tài chính doanh nghiệp	Ngô Thế Chi	2013	Tài chính	**20**	55,000
432	GT Nguyên lý và tiêu chuẩn thẩm định giá	Vũ Minh Đức	2011	KTQD	**20**	49,000
433	GT Quản lý và xử lý chất thải rắn	Nguyễn Văn Phước	2014	Xây dựng	**10**	128,000
434	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Đoàn Thị Hồng Vân	2013	LĐXH	**20**	85,000
435	GT Tổ chức và định mức lao động	Vũ Thị Mai	2016	KTQD	**10**	60,000

436	Lý thuyết phân tích chính sách	Nguyễn Trọng Hòa	2013	Tài chính	**10**	35,000
437	GT Quản lý hành chính công	Bùi Văn Quyết	2010	Tài chính	**20**	30,000
438	GT Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công	Trần Thị Thu	2011	KTQD	**10**	59,000
439	Quản lý công	Phan Huy Đường	2016	ĐHQG	**20**	119,000
440	GT Quản lý học	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	2016	KTQD	**20**	132,000
441	GT Dân số và phát triển	Nguyễn Nam Phương	2011	KTQD	**20**	72,000
442	GT Kế toán bảo hiểm xã hội	Ngô Thế Chi	2016	Tài chính	**20**	60,000
443	GT Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính	Thịnh Văn Vinh	2012	Tài chính	**20**	35,000
444	Marketing công nghiệp	Hồ Thanh Lan	2014	Hồng Đức	**10**	78,000
445	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Phan Duy Minh	2010	Tài chính	**20**	35,000
446	GT Quản lý phát triển địa phương	Đàm Văn Nhuệ	2015	CTQG	**20**	110,000
447	Tổ chức và quản lý y tế (Sách ĐT Bác sĩ Đa khoa)	Trương Việt Dũng	2011	Y học	**10**	51,000
448	Structural Change in Agriculture and its Impact on Rural Household Income: Case Study in Ha Tay, Vietnam	Nguyễn Thành Vũ	2016	Margraf Publishers	**5**	-
449	Outward Foreign Direct Invertment in ASEAN	Cassey Lee	2017	Yusof ishak institute	**5**	-
450	Coursebook Get to know Marketing	Nguyễn Thị Gấm	2011	ĐHTN	**300**	33,000
451	GT Quản trị kinh doanh nông nghiệp	Trần Quốc Khánh	2005	LĐ-XH	**28**	-
452	GT Pháp luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn	2005	KTQD	**3**	-
453	GT Kinh tế phát triển	Phạm Ngọc Linh	2008	KTQD	**3**	36,000
454	GT Marketing quốc tế	Trần Minh Đạo	2007	KTQD	**2**	39,000
455	Quản lý và đánh giá dự báo	Werner Doppler	2008	Margraf Publisher	**3**	-
456	Các mô hình tăng trưởng kinh tế	Trần Thọ Đạt	2008	KTQD	**1**	35,000

457	Cầu tiền và chính sách tiền tệ ở Việt Nam	Trần Thọ Đạt	2010	KTQD	**3**	40,000
458	Tiếng anh dành cho ngành khách sạn	Nguyễn Thanh Loan	2011	VHTT	**2**	36,000
459	Cơ sở và phương pháp sinh học phân tử	Chu Hoàng Mậu	2005	ĐHSP	**5**	25,000
460	Phương pháp dạy học tin học	Trịnh Thanh Hải	2010	GDVN	**3**	28,000
461	Tô Pô đại cương	Nông Quốc Chinh	2003	ĐHSP	**3**	12,500
462	Quá trình ngẫu nhiên và tính toán ngẫu nhiên	Đặng Hùng Thắng	2006	ĐHQG	**2**	28,000
463	GT Lập và quản lý dự án phát triển nông thôn	Hoàng Mạnh Quân	2007	Nông Nghiệp	**3**	60,000
464	Tìm hiểu về ngân hàng Thế giới - Sách HD cho giới trẻ	Ngân hàng thế giới	2006	VHTT	**3**	-
465	TL Luyện thi Ielts Cambridge IELTS 3	Trần Bích Hương	2002	Đà Nẵng	**2**	20,000
466	GT Phát triển vùng	Nguyễn Xuân Trường	2013	ĐHTN	**2**	55,000
467	GT Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	2009	KTQD	**3**	71,000
468	GT Quản lý chất lượng	Ngô Phúc Hạnh	2010	Tài chính	**9**	82,000
469	BT Toán cao cấp	Nguyễn Văn Minh	2017	Bách khoa HN	**15**	120,000
470	GT Quản trị dự án	Phạm T. Thanh Mai	2016	Công thương	**103**	98,000
471	GT Kinh tế hải quan P1	Hoàng Đức Thân	2009	KTQD	**10**	49,000
472	GT Kinh tế hải quan P2	Hoàng Đức Thân	2009	KTQD	**10**	35,000
473	Xác suất thống kê	Nguyễn Văn Minh	2017	BKHN	**75**	152,000
474	GT Kế toán ngân hàng	Trần Đình Tuấn	2017	KHTN&CN	**50**	120,000
475	GT Kinh tế nông nghiệp	Vũ Đình Thắng	2004	Thống kê	**11**	52,000
476	Life B1 - B2 + 1 CD	Poul Dummetl	2015	Cengage Lenrning	**22**	
477	Life A1 - A2 + 1 CD	John Hughes	2015	Cengage Lenrning	**319**	

478	Life A2 - B1 + 1 CD	John Hughes	2015	Cengage Lenrning	**39**	
479	Câu hỏi và bài tập kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	Trần Đình Tuấn	2018	Bách khoa HN	**20**	95,000
480	GT Toán kinh tế	Nguyễn Văn Minh	2017	ĐHTN	**50**	100,000
					37896	

NGƯỜI LẬP

Chu Thị Vân Anh